TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2020/QĐST-HNGĐ	*Chợ Đồn, ngày 07 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 105/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

- Bị đơn: Chị Ma Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hoàng Văn D và chị Ma Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân**:** Anh Hoàng Văn D và chị Ma Thị T nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Hoàng Văn D và chị Ma Thị T có 01 con chung, tên là Hoàng Anh Đ, sinh ngày 05/5/2010. Anh D và chị T thỏa thuận thống nhất giao con chung cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

2.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Hoàng Văn D phải chịu 75.000^{đ} *(Bảy mươi năm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, chị Ma Thị T phải chịu 75.000^{đ} *(Bảy mươi năm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận việc anh D tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000^{đ} (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 06164 ngày 18 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Anh D được hoàn lại 150.000^{đ} (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn;
- Ủy ban nhân dân thị trấn B;
  (Nơi ĐKKH)
- TAND tỉnh kèm theo biên bản ghi nhận;
- Chi cục THADS huyện Chợ Đồn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Đình Hưng